

Số: **54** /2014/TTLT-BTNMT-BTC

Hà Nội, ngày **09** tháng **9** năm 2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP
ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về
đấu giá quyền khai thác khoáng sản

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: C Ngày: 17/9

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết thi hành Khoản 3 Điều 4; Khoản 3 Điều 16; Khoản 2 Điều 24; Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26

tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 22/2012/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản được giao các nhiệm vụ liên quan đến đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

b) Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thành lập theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP;

c) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giá khởi điểm đối với khu vực đã có kết quả thăm dò là giá đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản, được tính bằng tiền đồng Việt Nam.

2. Giá khởi điểm đối với khu vực chưa thăm dò khoáng sản là mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%).

3. Bước giá là mức chênh lệch của lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

Chương II

XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM, BƯỚC GIÁ, PHƯƠNG PHÁP TÍNH TIỀN, PHƯƠNG THỨC THU, QUẢN LÝ TIỀN TRÚNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 3. Xác định giá khởi điểm phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Đối với khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản, giá khởi điểm phiên đấu giá được xác định bằng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 203/2013/NĐ-CP).

2. Đối với khu vực chưa thăm dò khoáng sản, giá khởi điểm phiên đấu giá được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) quy định tại Phụ lục I Nghị định số 203/2013/NĐ-CP.

9

3. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Tài nguyên và Môi trường) xác định giá khởi điểm phiên đấu giá, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản.

Điều 4. Bước giá trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Việc xác định bước giá trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Bước giá ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được xác định bằng tiền đồng Việt Nam;

b) Bước giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản được xác định theo mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

2. Thẩm quyền xác định bước giá:

a) Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại Điều 12 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP quyết định bước giá cho mỗi phiên đấu giá;

b) Trường hợp đấu giá thông qua tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP, Sở Tài nguyên và Môi trường xác định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bước giá cho mỗi phiên đấu giá.

Điều 5. Hình thức trả giá trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Trong vòng đấu giá đầu, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải trả giá thấp nhất bằng giá khởi điểm phiên đấu giá cộng với số nguyên lần bước giá (1, 2,..., n lần).

2. Trường hợp phải tổ chức vòng đấu giá tiếp theo, giá khởi điểm là giá được trả cao nhất của vòng đấu trước liền kề. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá trả thấp nhất phải bằng giá khởi điểm vòng đấu cộng số nguyên lần bước giá.

3. Phiếu trả giá có giá trị không đúng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được coi là không hợp lệ.

Điều 6. Cách tính tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản

1. Căn cứ mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đã trúng đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, tiền trúng đấu giá được tính như sau:

9

$$T = Q \times G \times K \times R_{dg} \text{ (đồng)}$$

Trong đó:

T - Tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính đồng Việt Nam;

Q - Trữ lượng địa chất trong khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; đơn vị tính là tấn, m³;

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP; đơn vị tính là đồng Việt Nam/đơn vị trữ lượng;

K - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác: khai thác lộ thiên K=0,9; khai thác hầm lò K= 0,6; khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên và các trường hợp còn lại K = 1,0;

R_{dg} - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá; đơn vị tính là phần trăm (%).

2. Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được áp dụng ổn định trong suốt thời gian được cấp phép khai thác.

3. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định và trình phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản theo thẩm quyền cấp phép quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 82 Luật khoáng sản.

Điều 7. Phương thức thu tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thu toàn bộ một lần trước khi cấp phép khai thác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp số tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lớn hơn 50 tỷ đồng thì thực hiện thu nhiều lần nhưng phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải nộp lần đầu tối thiểu 50 tỷ đồng trước khi cấp phép khai thác khoáng sản; số tiền còn lại được thu nhiều lần (trước ngày 31 tháng 3 của năm nộp tiền). Thời gian thu không quá 05 (năm) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Trường hợp thời gian khai thác dưới 10 năm thì thời gian được nộp nhiều lần không quá nửa thời gian được cấp phép;

c) Trường hợp giá tính thuế tài nguyên tại thời điểm nộp cao hơn giá tính thuế tài nguyên tại thời điểm xác định tiền trúng đấu giá thì giá trị nộp được xác

định lại theo nguyên tắc quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP;

d) Số lần nộp tiền, thời gian nộp tiền phải được ghi trong hồ sơ mời đấu giá do Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản quyết định và được ghi cụ thể vào Giấy phép khai thác khoáng sản.

3. Tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện nộp 70% cho ngân sách Trung ương, 30% cho ngân sách địa phương, đối với Giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp; 100% cho ngân sách địa phương, đối với Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.

Trường hợp khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản nằm trên địa bàn hai tỉnh/hai huyện trở lên thì tỷ lệ nộp ngân sách mỗi địa phương xác định theo tỷ lệ diện tích khu vực được cấp phép khai thác khoáng sản.

4. Trước khi cấp phép khai thác, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Cục thuế địa phương) nơi có khoáng sản được đấu giá về số lần nộp tiền và thời gian thu tiền trúng đấu giá của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

5. Chậm nhất sau 10 (mười) ngày kể từ khi nhận được văn bản của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục thuế địa phương nơi có khoáng sản được đấu giá ra thông báo cho các tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

6. Trường hợp thu nhiều lần, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo bằng văn bản số tiền phải nộp của kỳ tiếp theo trước 10 ngày kể từ ngày phải nộp tiền theo quy định cho Cục thuế địa phương để thông báo cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

Điều 8. Phương thức nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo Thông báo của cơ quan thuế. Thời gian chờ nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định, không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 60 Luật khoáng sản.

